| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHỢ MỚI**<br>**TỈNH BẮC KẠN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Đ ộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **06**/2024/HNGĐ -
ST Ngày: 16 - 9 -2024.
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI - TỈNH BẮC KẠN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bảo Thanh Toàn**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Tiến Tùng**

2. Ông **Phạm Văn Ngọ**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Lưu Thị Quỳnh** - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Thanh Quang** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLST - HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Hồng N** - sinh năm 1996. Trú tại: Tổ D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: Anh **Lường Văn H** - sinh năm 1993. Trú tại: Tổ D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt không có lý do).

* Những người làm chứng:

- Bà Hà Thị L, sinh năm 1961; Trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1964; Trú tại: Tổ D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

(Những người làm chứng trên tòa không triệu tập)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**1. Trong đơn xin ly hôn ngày 16 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Hà Thị Hồng N trình bày:**

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hà Thị Hồng N và anh Lường Văn H có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 14/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là xã T),

huyện C, tỉnh Bắc Kạn trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chị N, anh H cùng chung sống hòa thuận, hạnh phúc 2 năm đầu tại nhà bố mẹ đẻ của anh H ở Tổ D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Tuy nhiên đến khoảng năm 2019 giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã và ngày càng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H không cùng chị N chăm lo cho cuộc sống gia đình. Từ năm 2021 anh H thường xuyên vắng nhà, mỗi lần về nhà chỉ 1 – 2 ngày. Việc liên lạc, trao đổi, duy trì quan hệ hôn nhân chủ yếu bằng điện thoại nhưng nội dung trao đổi của vợ chồng chủ yếu là mâu thuẫn, cã vã, không có sự chia sẻ tình cảm. Từ năm 2021 đến nay chị N và anh H không sống cùng nhau, mỗi người một cuộc sống riêng, không có sự quan tâm, chia sẻ và trách nhiệm với nhau để cùng xây dựng cuộc sống gia đình.

Nay, chị Na xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đã ly thân, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

* *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị và anh H có 01 (Một) con chung là Lường Ngọc H1, sinh ngày 22/3/2019, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nếu được ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con vì hiện nay chị có công việc và thu nhập ổn định, các điều kiện sống cũng như thu nhập của chị N đủ để đảm bảo nuôi sống và phát triển cho con chung. Chị N cùng chung sống với bố mẹ đẻ ở thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Bố mẹ đẻ chị N đồng ý cho chị N và con gái cùng chung sống và hỗ trợ được chị N trong việc nuôi dưỡng con. Thực tế thời gian qua chị N và cháu H1 vẫn chung sống ổn định cùng bố mẹ đẻ chị N. Chị N một mình lo kinh tế để chăm sóc cháu H1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

* *Về tài sản chung*: Chị N và anh H không có tài sản chung.

* *Về vay nợ chung*: Chị N và anh H không có vay nợ chung.

**2. Đối với bị đơn Lường Văn H:**

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Lường Văn H theo địa chỉ Tổ D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn nhưng anh H không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Toà án theo quy định. Anh H cũng không đến Toà án tham gia tố tụng. Toà án đã nhiều lần đến địa chỉ nhà anh H để giao, tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng không lần nào gặp được anh H.

Vì lý do trên, Toà án không thể thực hiện được việc cấp, thông báo, tống đạt các giấy tờ, văn bản tố tụng cho anh H. Để đảm bảo quyền lợi của đương sự và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: Toà án đã tiến hành xác minh, niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà.

**3.** Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác định: Việc

mâu thuẫn và sống ly thân giữa chị N và anh H là thực tế, đã diễn ra trong thời gian dài từ năm 2021 đến nay và không thể hàn gắn được.

**4. Tại phiên toà:**

- Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên không có trình bày tại phiên tòa.

- Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 264; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Hà Thị Hồng N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Hồng N được ly hôn với Anh Lường Văn H.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là cháu Lường Ngọc H1, sinh ngày 22/3/2019 cho Chị Hà Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có, không đề nghị giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng**:

Chị Hà Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn Lường Văn H có nơi cư trú tại tổ D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "*Ly hôn, nuôi con chung*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại

điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Hà Thị Hồng N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn Lường Văn H đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228/BLTTDS tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn Hà Thị Hồng N, bị đơn Lường Văn H.

**[2] Về nội dung vụ án:**

**[2.1]** *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hà Thị Hồng N và Anh Lường Văn H kết hôn ngày 14/12/2017 trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là xã T), huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn, giữa chị N và anh H đã có thời gian chung sống hoà thuận, hạnh phúc trong thời gian 02 (hai) năm đầu. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2019 giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã và ngày càng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H không cùng chị N chăm lo cho cuộc sống gia đình. Từ năm 2021 anh H thường xuyên vắng nhà. Chị N và anh H đã chính thức ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Quá trình ly thân, mỗi người một cuộc sống riêng, hai bên không có sự quan tâm, chia sẻ và cùng có trách nhiệm với nhau để cùng xây dựng cuộc sống gia đình. Mục đích của hôn nhân không đạt được, hai bên không còn duy trì tình nghĩa vợ chồng. Nay chị N khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với anh H và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Như vậy, phải khẳng định rằng quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra trong thời gian dài, ngày càng trầm trọng, đã ly thân, anh chị không còn tiếng nói chung, không có khả năng hàn gắn. Với tình trạng cuộc sống hôn nhân như trên là có vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, về tình nghĩa vợ chồng. Chị N và anh H không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ cuộc sống; Hôn nhân giữa chị N và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần thiết chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn anh H.

**[2.2]** *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Hà Thị Hồng N và anh Lường Văn H có 01 (Một) con chung là Lường Ngọc H1, sinh ngày 22/3/2019, con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian ly thân chị N là người tạo ra thu nhập để nuôi dưỡng con chung và đảm bảo cho con chung được phát triển lành mạnh, ổn định về mọi mặt. Chị N có thu nhập ổn định trung bình khoảng 8.000.000đ/01 tháng. Tại bản sao kê tài khoản của chị Hà Thị Hồng N tháng 6 và tháng 7/2024 xác định lương chị N là từ 11.000.000đ/tháng đến 12.000.000đ tháng. Hơn nữa, Chị Na hiện cùng chung sống với bố mẹ đẻ ở thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Bố mẹ đẻ chị N đồng ý cho chị N và cháu H1 cùng chung sống và hỗ trợ được chị N trong việc nuôi dưỡng con. Toà án không tiến hành làm việc được với anh H, anh H không cung cấp thông tin cụ thể cho Toà án nên Toà án không xác định được cụ thể về điều kiện nuôi con của anh H.

Do vậy, xét về điều kiện nuôi con của chị N là đảm bảo và phù hợp với việc duy trì sự ổn định, hạn chế xáo trộn môi trường sống và giáo dục của con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chị N: Giao con chung Lường Ngọc H1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, nên hội đồng xét xử không xem xét.

**[2.3]** *Về tài sản chung:* Chị N và anh H không có tài sản chung

**[2.4]** *Về vay nợ chung:* Chị N và anh H không có vay nợ chung.

**[3]** *Về án phí:* Nguyên đơn Hà Thị Hồng N phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

**[4]** Đối với đề nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 264; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Thị Hồng N

**1. Về quan hệ hôn nhân**: Chị Hà Thị Hồng N được ly hôn anh Lường Văn H.

**2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*:***

Giao con chung Lường Ngọc H1, sinh ngày 22/3/2019 cho Chị Hà Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung Lường Ngọc H1 đủ 18 tuổi. Chị Hà Thị Hồng N không yêu cầu anh Lường Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Lường Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

**3. Về tài sản chung**: Chị N và anh H không có tài sản chung.

**4. Về vay nợ chung**: Chị N và anh H không có vay nợ chung.

**5. Về án phí**: Chị Hà Thị Hồng N phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0001816, ngày 03/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.*

**6. Về quyền kháng cáo**: Nguyên đơn Hà Thị Hồng N, bị đơn Lường Văn H đều vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND huyện Chợ Mới (03b);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (01b);
- Các đương sự (02b);
- UBND xã Thanh Thịnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Bảo Thanh Toàn**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**